

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2007/TT-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2007

THÔNG TƯ

hướng dẫn một số nội dung Quyết định số 212/2006/QĐ-TTg ngày 20/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy (160)

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thi hành Quyết định số 212/2006/QĐ-TTg ngày 20/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng.

a) Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt đề án thí điểm "Tổ chức quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện" theo Nghị quyết số 16/2003/QH11 ngày 17/6/2003 của Quốc Hội, có đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 212/2006/QĐ-TTg ngày 20/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Nguyên tắc của tín dụng đối với các hộ gia đình, cơ sở và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy.

a) Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm cho vay đúng đối tượng, đúng quy định tại Quyết định số 212/2006/QĐ-TTg ngày 20/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn tại Thông tư này và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm "Tổ chức quản lý dạy nghề, giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện".

b) Đối tượng được vay vốn phải sử dụng vốn vay vào những hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại Quyết định số 212/2006/QĐ-TTg ngày 20/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ, trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội huy động vốn hoặc tiếp nhận vốn ủy thác của Ngân sách các tỉnh, thành phố để cho vay đối với các hộ gia đình, cơ sở và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy theo đề án thí điểm về tổ chức quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện phải được lập thành hợp đồng ủy thác. Hợp đồng ủy thác quy định rõ nội dung ủy thác, quyền hạn, trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện hợp đồng.

II. CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Lập kế hoạch tín dụng đối với các hộ gia đình, cơ sở và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy

a) Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma

túy trên địa bàn, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập kế hoạch tín dụng đối với các hộ gia đình, cơ sở và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy để giao cho các cơ quan có liên quan của tỉnh, thành phố phối hợp với chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai thực hiện.

Thời gian giao kế hoạch tín dụng đối với các hộ gia đình, cơ sở và doanh nghiệp sử dụng lao động là người sau cai nghiện ma túy của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước Quý I của năm kế hoạch.

b) Kế hoạch tín dụng đối với các hộ gia đình, cơ sở và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Kế hoạch về nguồn vốn để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay trong năm, trong đó chi tiết về nguồn vốn do Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay; nguồn vốn do Ngân hàng Chính sách xã hội huy động để cho vay và các nguồn vốn khác.

- Kế hoạch về số vốn thu hồi nợ, số vốn cho vay trong năm; chỉ tiêu về dư nợ cho vay đầu năm và cuối năm.

- Các chỉ tiêu về số lượng hộ gia đình, cơ sở, doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy

được vay vốn; số lượng người sau cai nghiện ma túy được giải quyết việc làm thông qua việc cho vay vốn đối với các hộ gia đình, cơ sở, doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy.

- Kế hoạch về cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội tương ứng với kế hoạch về nguồn vốn và cho vay trong năm.

c) Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện việc cho vay đối với các hộ gia đình, cơ sở và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy trong phạm vi kế hoạch tín dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao.

2. Hướng dẫn về việc cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý

a) Khi thực hiện nhiệm vụ cho vay đối với các hộ gia đình, cơ sở và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy, Ngân hàng Chính sách xã hội được Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.

- Việc cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý được thực hiện theo phương thức tạm cấp hàng quý trong năm theo kế hoạch và quyết toán số cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý cả năm sau

khi kết thúc năm tài chính. Thời hạn quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định phù hợp với Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm hạch toán riêng nguồn vốn và cho vay đối với các hộ gia đình, cơ sở và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy để báo cáo và quyết toán về số cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý với Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hàng năm.

b) Trường hợp Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chuyển vốn để ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay:

- Ngân sách tỉnh, thành phố không cấp bù chênh lệch lãi suất cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Phí quản lý của Ngân hàng Chính sách xã hội do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định nhưng tối đa không quá 0,25%/tháng tính trên số dư nợ cho vay bình quân. Nguồn chi trả phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội được trích từ số lãi cho vay thu được, việc phân phối số lãi cho vay thu được còn lại do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định.

c) Trường hợp Ngân hàng Chính sách xã hội huy động vốn để cho vay:

Số cấp bù bằng (=) số chênh lệch lãi suất cộng (+) số phí quản lý của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Trong đó:

Số chênh lệch lãi suất bằng (=) số chi phí trả lãi huy động vốn trừ (-) số lãi cho vay thực thu được. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn cụ thể phương pháp xác định số chênh lệch lãi suất; giao kế hoạch chi tiết về thời điểm huy động vốn, lãi suất huy động vốn, kỳ

hạn huy động vốn, số lượng huy động vốn để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện phù hợp với kế hoạch cho vay các hộ gia đình, cơ sở và doanh nghiệp sử dụng người lao động là học viên sau cai nghiện ma túy trên địa bàn.

Số phí quản lý của Ngân hàng Chính sách xã hội do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định nhưng tối đa không quá 0,32%/tháng tính trên số dư nợ cho vay bình quân. Dư nợ cho vay bình quân là tổng số dư nợ cho vay bình quân đúng đối tượng, được xác định theo công thức sau:

$$\text{Dư nợ cho vay bình quân} = \frac{\text{Dư nợ cuối tháng 1} + \dots + \text{Dư nợ cuối tháng 12}}{12}$$

3. Trách nhiệm thẩm định và phê duyệt dự án, phương án sản xuất kinh doanh của đối tượng được vay vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cho các cơ quan có liên quan thực hiện phù hợp với đề án Tổ chức quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Ngân hàng Chính sách xã hội căn cứ vào kết quả thẩm định, phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về dự án, phương án sản xuất kinh doanh của đối tượng được vay vốn, các điều kiện được vay vốn quy định tại Điều 3 Quyết định số

212/2006/QĐ-TTg để xem xét, quyết định việc cho vay.

Trường hợp dự án, phương án sản xuất kinh doanh của đối tượng được vay vốn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng không đúng đối tượng, không đủ điều kiện được vay vốn theo Quyết định số 212/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn, Ngân hàng Chính sách xã hội được quyền từ chối cho vay và thông báo lại với đối tượng được vay vốn, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án, phương án sản xuất kinh doanh.

4. Hướng dẫn xử lý nợ bị rủi ro:

- Trường hợp đối tượng được vay vốn gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý dưới hình thức miễn lãi, giảm lãi tiền vay hoặc xóa nợ theo quy định về xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Thẩm quyền quyết định xử lý rủi ro, trách nhiệm của các cơ quan trong việc xác nhận mức độ rủi ro đối với các dự án, phương án vay vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn cụ thể phù hợp với đề án Tổ chức quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy.

- Nguồn xử lý nợ bị rủi ro do Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bù đắp và quyết toán với Ngân hàng Chính sách xã hội.

5. Chế độ báo cáo, kiểm tra

- Định kỳ hàng quý và kết thúc năm tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội lập báo cáo kết quả thực hiện tín dụng đối với các hộ gia đình, cơ sở và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,

các cơ quan liên quan của tỉnh, thành phố và Bộ Tài chính.

- Định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện của Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan liên quan về cơ chế tín dụng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và doanh nghiệp sử dụng người lao động là người sau cai nghiện ma túy ban hành theo Quyết định số 212/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này. Kết quả kiểm tra, giám sát được gửi về Bộ Tài chính sau 15 ngày khi kết thúc việc kiểm tra, giám sát.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà